



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 05 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1557

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 19/05/2026 đến ngày 25/05/2026)

A/ THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

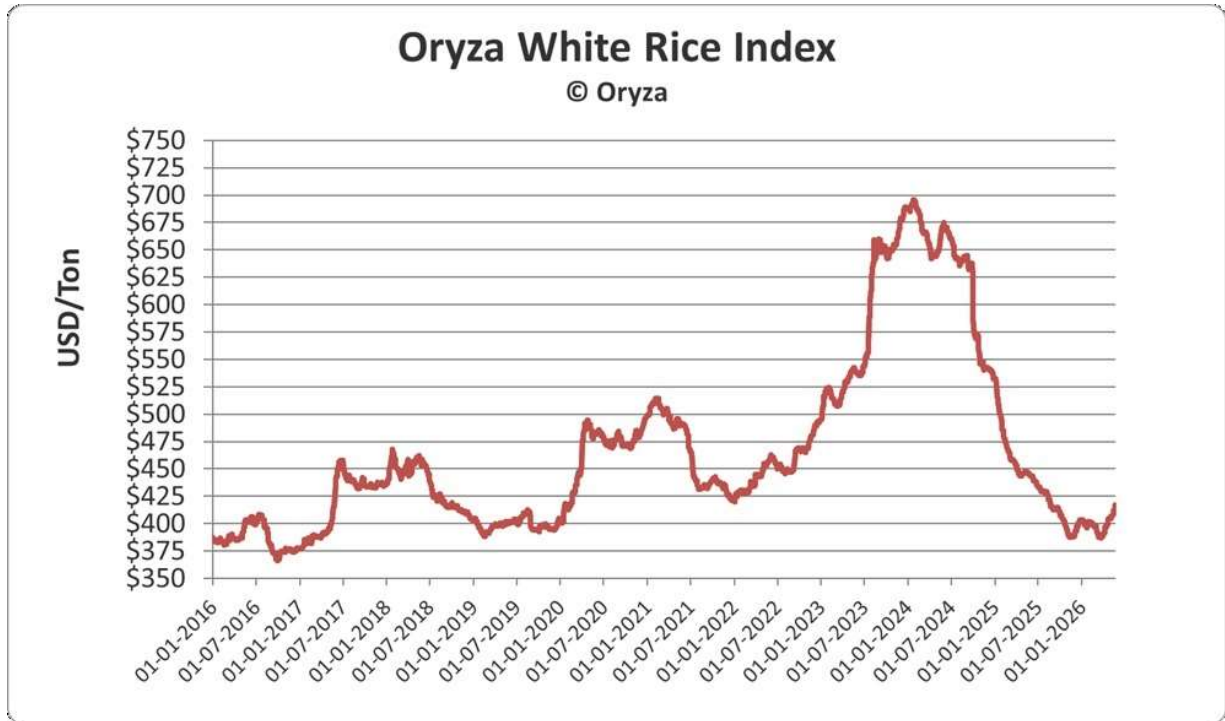
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	19 – 05		20 – 05		21 – 05		22 – 05	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	435	439	437	441	435	439	437	441
	5% tấm	426	430	429	433	426	430	429	433
	25% tấm	415	419	419	423	415	419	419	423
	Hom Mali 92%	1211	1215	1213	1217	1211	1215	1213	1217
	Gạo đỏ 100% Stxd	430	434	431	435	430	434	431	435
	A1 Super	402	406	403	407	402	406	403	407
VIỆT NAM	5% tấm	412	416	412	416	412	416	412	416
	25% tấm	383	387	383	387	383	387	383	387
	Gạo thơm 5% tấm	505	520	505	520	505	520	505	520
	Jasmine	525	529	524	528	525	529	524	528
	100% tấm	336	340	336	340	336	340	336	340
ẤN ĐỘ	5% tấm	342	346	342	346	342	346	342	346
	25% tấm	330	334	330	334	330	334	330	334
	Gạo đỏ 5% Stxd	330	334	331	335	330	334	331	335
	100% tấm Stxd	280	284	280	284	280	284	280	284
PAKISTAN	5% tấm	347	351	349	353	347	351	349	353
	25% tấm	332	336	334	338	332	336	334	338
	100% tấm Stxd	319	323	321	325	319	323	321	325
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	392	396	392	396	392	396	392	396
MỸ	4% tấm	538	542	538	542	538	542	538	542
	15% tấm (Sacked)	538	542	538	542	538	542	538	542
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	888	892	888	892	888	892	888	892

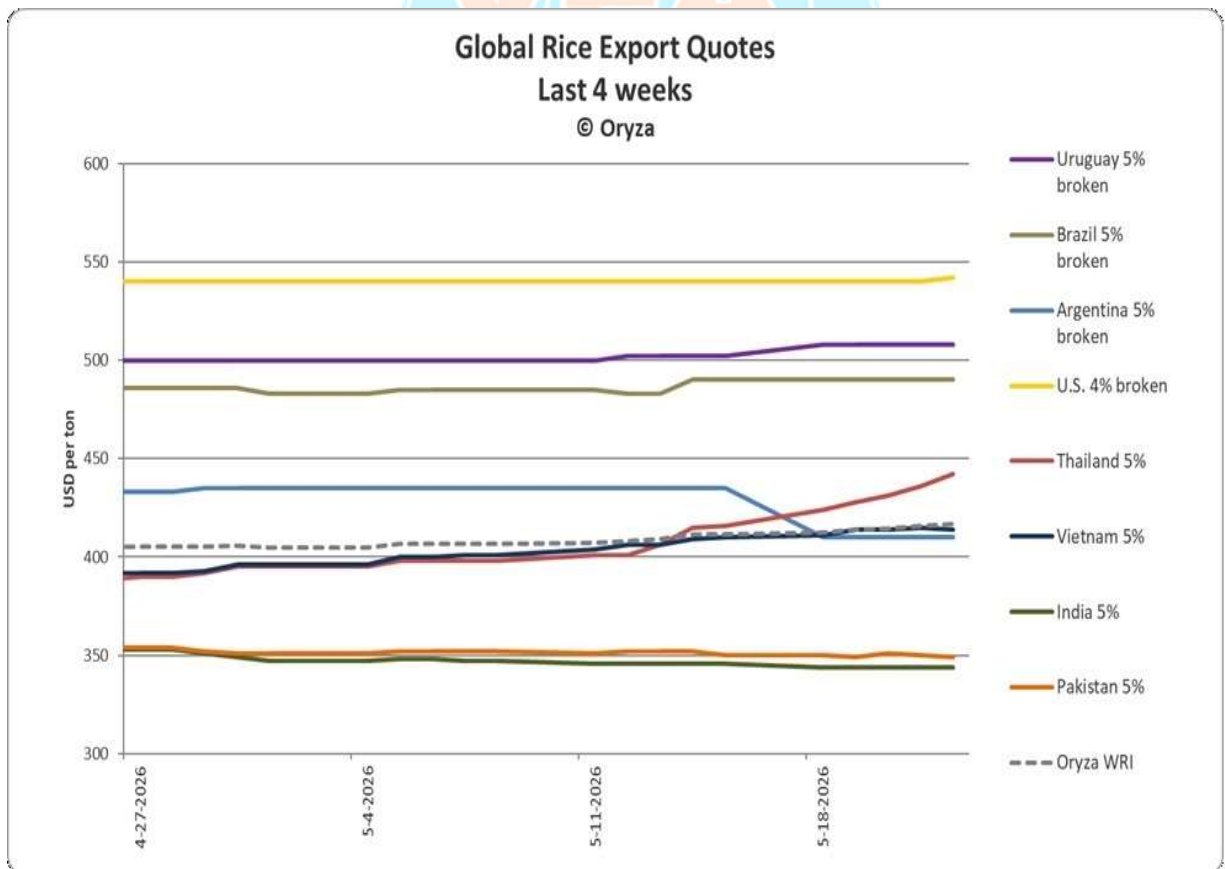
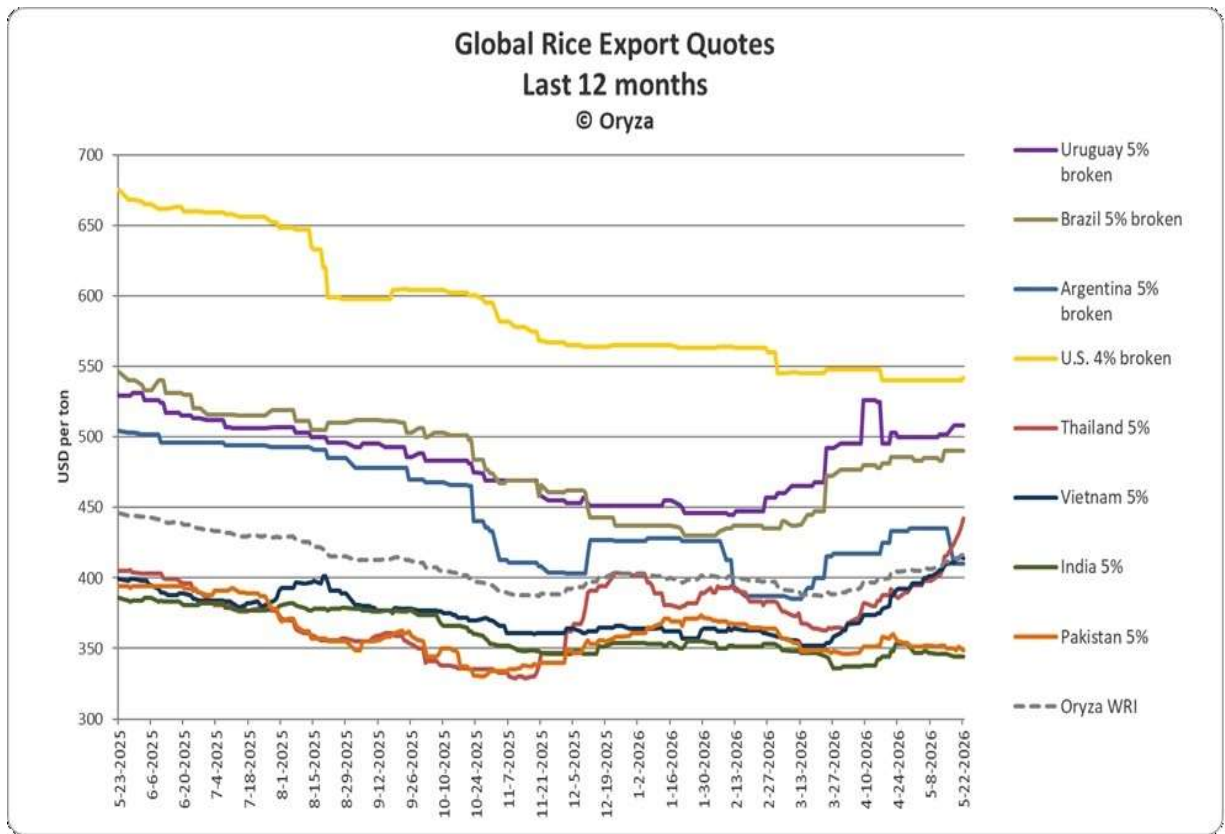
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

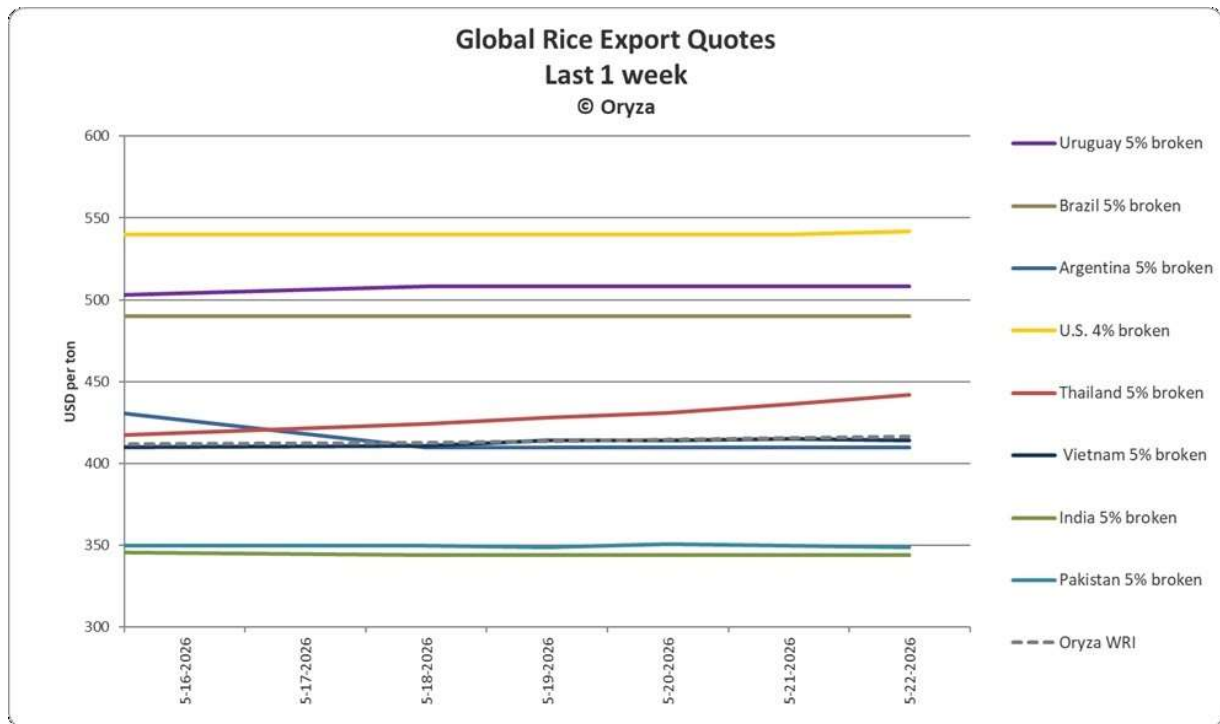
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 417 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với tuần trước và tăng 13 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 30 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Dự báo của USDA cho thấy sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 sẽ giảm khoảng 5 triệu tấn, trong khi tiêu dùng tăng 3,8 triệu tấn, kéo tồn kho toàn cầu giảm xuống còn 192,7 triệu tấn. Các quốc gia như Ấn Độ, Campuchia, Indonesia và Mỹ được dự báo sẽ ghi nhận mức giảm tồn kho đáng kể, mặc dù lượng dự trữ của Trung Quốc tiếp tục tăng lên khoảng 108 triệu tấn. Xu hướng giá gần đây cho thấy giá gạo tại Ấn Độ tương đối đi ngang, trong khi Thái Lan và Việt Nam ghi nhận mức tăng rõ rệt. Đồng thời, các gián đoạn tại eo biển Hormuz đã tạm thời làm đình trệ hoạt động nhập khẩu gạo Thái Lan của Iraq. Dù triển vọng thu hoạch tại nhiều nước sản xuất lớn vẫn còn yếu, điều kiện gió mùa ổn định, nguồn cung phân bón tương đối đầy đủ và lượng dự trữ lớn của Ấn Độ vẫn đóng vai trò như những yếu tố giảm thiểu rủi ro. Một hiện tượng El Niño yếu được dự báo kéo dài đến tháng 8/2026, song nếu cường độ gia tăng trong giai đoạn sau, năng suất có thể chịu ảnh hưởng đáng kể.

Một hiện tượng “siêu El Niño” được dự báo có thể hình thành vào cuối năm 2026 và nhiều khả năng sẽ tác động mạnh đến thời tiết toàn cầu. Các nhà khí tượng học nhận định hiện tượng này có thể xuất hiện từ giữa năm và đạt cường độ tương đương với các sự kiện cực đoan từng xảy ra vào giai đoạn 1997–98 và 2015–16. Nếu xảy ra, một El Niño cường độ mạnh có thể làm giảm hoạt động của bão tại Đại Tây Dương thông qua việc gia tăng đứt gió, đồng thời làm gia tăng hoạt động bão tại khu vực trung tâm và phía đông Thái Bình Dương do nhiệt độ nước biển cao hơn và điều kiện khí quyển ổn định hơn. Ngoài tác động đối với bão, hiện tượng này còn có thể gây ra hàng loạt gián đoạn khí hậu trên quy mô toàn cầu, từ mưa lớn và lũ lụt tại một số khu vực đến

hạn hán, nắng nóng cực đoan và cháy rừng tại các khu vực khác. Khi kết hợp với xu thế biến đổi khí hậu hiện nay, El Niño mạnh thậm chí có thể đẩy nhiệt độ toàn cầu lên mức cao kỷ lục trong năm 2026 hoặc 2027.

Một sóng Kelvin ngầm dưới biển mang lượng nước ấm bất thường, cao hơn mức trung bình tới 7,5°C, đang di chuyển qua Thái Bình Dương và có thể trở thành yếu tố kích hoạt một đợt El Niño mạnh, thậm chí phá kỷ lục, vào cuối năm 2026. Khối nước ấm này đang dịch chuyển gần 9.000 dặm hướng về Nam Mỹ, với đặc điểm tương tự điều kiện từng xuất hiện trước sự kiện El Niño cực mạnh năm 1997–98. Các nhà khoa học cảnh báo rằng lượng nhiệt tích tụ bất thường sau nhiều năm La Niña kéo dài kết hợp với xu hướng nóng lên dài hạn của khí hậu toàn cầu, cùng hiện tượng gió Tây mạnh bất thường xảy ra vào tháng 4/2026, đang tiếp thêm động lực cho hiện tượng này. Khi sóng Kelvin làm suy yếu quá trình trôi lên của nước lạnh, nhiệt độ bề mặt biển có thể tăng hơn 3°C so với mức trung bình, dù cường độ cuối cùng của El Niño vẫn còn chưa chắc chắn. Nếu “siêu El Niño” thực sự hình thành, thời tiết toàn cầu trong suốt năm 2027 có thể chịu tác động mạnh với hạn hán, lũ lụt, thay đổi mô hình gió mùa, các đợt nắng nóng cực đoan và khả năng xuất hiện mức nhiệt toàn cầu cao nhất từng được ghi nhận.

Đài Loan

Đài Loan đã từ chối một lô hàng 75.000 kg gạo đen của Việt Nam sau khi cơ quan kiểm định phát hiện dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt ngưỡng cho phép, theo thông tin từ Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Đài Loan (TFDA), được Taipei Times dẫn lại. Cụ thể, cơ quan chức năng phát hiện 0,04 ppm axit oxolinic trong lô gạo, trong khi quy định của Đài Loan yêu cầu hoạt chất này phải ở mức không được phát hiện đối với gạo. TFDA cho biết, trong số 38 lô gạo lứt nhập khẩu từ Việt Nam được kiểm tra từ tháng 11/2025 đến tháng 5/2026, có 7 lô không đáp ứng tiêu chuẩn của Đài Loan do vi phạm quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, tương ứng với tỷ lệ không tuân thủ 18,4%. Đài Loan hiện áp dụng tỷ lệ kiểm tra 100% đối với gạo nhập khẩu, do đây được xem là mặt hàng lương thực thiết yếu.

Philippines

Theo Business Inquirer, Bộ Nông nghiệp Philippines đang xem xét khả năng gia hạn thêm hai tháng mức trần giá bán lẻ ₱50/kg đối với gạo nhập khẩu, trong bối cảnh các gián đoạn nguồn cung dầu mỏ tại Trung Đông tiếp tục đe dọa duy trì chi phí vận tải và giá thực phẩm ở mức cao đến cuối năm. Chính sách áp giá trần này được triển khai trên phạm vi toàn quốc từ ngày 14/5/2026 theo Sắc lệnh hành pháp số 118 do Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. ban hành, hiện áp dụng trong thời hạn 30 ngày đối với gạo nhập khẩu 5% tấm, nhằm hạn

chế tình trạng tăng giá quá mức và đầu cơ trục lợi. Bộ trưởng Nông nghiệp Francisco Tiu Laurel Jr. cho biết cơ quan chức năng sẽ đánh giá lại chính sách mỗi 15 ngày để quyết định có nên kéo dài sau ngày 13/6 hay không, đồng thời cảnh báo các trường hợp vi phạm có thể bị xử phạt theo Luật Giá cả Philippines, bao gồm tiền phạt, đình chỉ giấy phép hoặc thậm chí phạt tù.

Cơ quan Lương thực Quốc gia Philippines (NFA) mới chỉ thu mua được 4,2% mục tiêu lúa năm 2026, tương đương 13.127 tấn trên tổng kế hoạch 313.315 tấn, trong bối cảnh gặp khó khăn khi cạnh tranh với thương nhân tư nhân sau lệnh cấm nhập khẩu gạo của Philippines. Hoạt động thu mua mạnh từ khu vực tư nhân đã đẩy giá lúa tại ruộng tăng đáng kể, buộc NFA phải nâng giá thu mua lên 30 PHP/kg, trong khi số liệu từ Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) cho thấy giá lúa bình quân trong tháng 4 đạt 23,31 PHP/kg, tăng 29,2% so với cùng kỳ năm trước. Dù chưa đạt mục tiêu thu mua, NFA cho biết nông dân vẫn được hưởng lợi từ giá bán cao hơn và cơ quan này vẫn còn ngân sách để tiếp tục mua vào trong thời gian tới, khi khoảng 15% sản lượng vụ khô vẫn chưa được đưa ra thị trường. Sau khi Chính phủ áp dụng giá trần đối với gạo nhập khẩu, NFA cũng đã mua thêm 11.301 tấn để tăng lượng dự trữ đệm, nâng tổng tồn kho gạo lên 337.618 tấn, tương đương khoảng 8,74 ngày tiêu dùng quốc gia.

Bộ Nông nghiệp Philippines dự kiến triển khai mức giá bán lẻ khuyến nghị là 53 PHP/kg đối với gạo nội địa, sau khi các cuộc tham vấn xác định đây là mức giá hợp lý, nối tiếp việc Tổng thống phê duyệt mức giá trần 50 PHP/kg đối với gạo nhập khẩu 5% tằm. Khác với mức giá trần mang tính bắt buộc áp dụng cho gạo nhập khẩu, mức 53 PHP/kg đối với gạo nội địa chỉ đóng vai trò tham chiếu cho người tiêu dùng, cho phép các nhà bán lẻ bán ở mức thấp hơn, đồng thời hướng đến cân bằng giữa lợi ích của nông dân và khả năng chi trả của người dân. Chính sách áp trần 50 PHP/kg đối với gạo nhập khẩu sẽ được thực thi đầy đủ từ tuần tới. Hiện tại, giá gạo nhập khẩu tại khu vực Metro Manila dao động từ 42–65 PHP/kg tùy chất lượng, trong khi gạo nội địa loại cao cấp và xay xát kỹ phổ biến ở mức 50–60 PHP/kg, tương đối sát với mức giá khuyến nghị sắp được áp dụng.

Viện Nghiên cứu Lúa gạo Philippines (PhilRice) đang kêu gọi nông dân nước này chuyển sang các phương thức canh tác lúa tiết kiệm chi phí hơn, nhằm hỗ trợ chương trình đảm bảo an ninh lương thực quốc gia dưới thời Tổng thống Ferdinand Marcos Jr.. Trong bối cảnh chi phí đầu vào sản xuất như giống, phân bón và nhiên liệu gia tăng trong mùa mưa, PhilRice nhấn mạnh rằng việc sử dụng giống xác nhận, tối ưu hóa mật độ gieo sạ và cải thiện khâu chuẩn bị đất có thể giúp giảm đáng kể chi phí sản xuất. Riêng việc sử dụng giống xác

nhận có thể giảm lượng giống gieo đối với lúa cấy từ 66 kg xuống còn khoảng 20–40 kg/ha, giúp tiết kiệm khoảng ₪460–₪1.220/ha. Trong các hệ thống gieo sạ trực tiếp, điều chỉnh mật độ gieo phù hợp cũng có thể giảm chi phí khoảng ₪720–₪1.460/ha. Ngoài ra, hoạt động san phẳng mặt ruộng còn mang lại mức tiết kiệm lên tới ₪1.850/ha, nhờ cải thiện hiệu quả phân phối nước và kiểm soát cỏ dại. PhilRice đồng thời khuyến khích áp dụng các thiết bị cơ giới hóa như máy gieo hạt dạng trống và máy cấy lúa cơ giới nhằm giảm nhu cầu lao động và nâng cao hiệu quả gieo trồng, phù hợp với mục tiêu quốc gia về tăng năng suất và duy trì nguồn cung gạo ổn định.

Hàn Quốc

Tập đoàn Thương mại Nông – Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) do Nhà nước điều hành đã phát hành gói thầu quốc tế mua khoảng 53.802 tấn gạo tẻ, theo thông báo đăng tải trên trang web chính thức của tổ chức này. Các nhà cung cấp quan tâm phải nộp báo giá trước 15:00 giờ KST ngày 27/5/2026, sau đó quá trình đấu thầu điện tử sẽ diễn ra từ 10:00–11:00 giờ KST ngày 28/5/2026, đánh dấu bước tiếp theo trong quy trình mua sắm gạo của Hàn Quốc.

Nhật Bản

Mức tiêu thụ gạo bình quân đầu người tại Nhật Bản trong năm tài khóa 2025/26 đã giảm 6,1% xuống còn 4.435 gram, mức thấp nhất trong vòng 7 năm, khi giá gạo tăng mạnh do mất mùa, nắng nóng cực đoan và thiếu hụt nguồn cung khiến người tiêu dùng cắt giảm sử dụng, theo số liệu được The Japan Times công bố. Con số này giảm so với mức 4.722 gram của năm trước, tương đương giảm khoảng 4,4 bát cơm/người. Tiêu dùng hộ gia đình chiếm khoảng hai phần ba tổng nhu cầu gạo, ghi nhận mức giảm còn mạnh hơn, giảm 8,2% xuống còn 2.929 gram. Trong bối cảnh giá bán lẻ đạt mức cao kỷ lục, nhiều người tiêu dùng đang chuyển sang các sản phẩm thay thế như bánh mì và mì, qua đó củng cố xu hướng suy giảm tiêu thụ gạo kéo dài nhiều năm tại Nhật Bản.

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã công bố đấu thầu quốc tế mua khoảng 43.000 tấn gạo, với thời gian đấu thầu dự kiến diễn ra vào ngày 22/5/2026, từ 13:15 đến 14:00 giờ JST. Hồ sơ mời thầu quy định lượng gạo này phải được giao trong khoảng thời gian từ 15/8 đến 5/10/2026, phản ánh chiến lược chuẩn bị nguồn cung trước của Nhật Bản cho giai đoạn sắp tới.

Nhật Bản đã hoàn tất mua 43.000 tấn gạo thông qua cuộc đấu thầu quốc tế diễn ra ngày 22/5/2026, theo thông báo trên trang web của MAFF. Trong đó, Nhật Bản mua 36.000 tấn gạo tẻ xát trắng hạt trung bình từ Mỹ và 7.000 tấn

gạo tẻ xát trắng hạt dài từ Thái Lan. Giá nhập khẩu gạo trung bình đạt khoảng 147.435 JPY/tấn (khoảng 927 USD/tấn) chưa bao gồm thuế, và khoảng 159.230 JPY/tấn (khoảng 1.001 USD/tấn) đã bao gồm thuế. Kết quả này thuộc phiên đấu thầu nhập khẩu thông thường đầu tiên của Nhật Bản trong năm tài khóa 2026–27 (tháng 4/2026–3/2027).

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 508 USD/tấn, tăng khoảng 6 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 5 USD/tấn so với một tháng trước, nhưng vẫn thấp hơn khoảng 21 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 410 USD/tấn, giảm khoảng 25 USD/tấn so với một tuần trước, giảm khoảng 23 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm mạnh khoảng 94 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện được báo giá khoảng 490 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 4 USD/tấn so với một tháng trước, nhưng thấp hơn khoảng 56 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn cung phân bón của Brazil đã giảm khoảng 6% trong năm 2026 do các gián đoạn liên quan đến xung đột Iran, làm thắt chặt nguồn cung đúng vào thời điểm quốc gia này chuẩn bị bước vào mùa gieo trồng từ tháng 9. Một báo cáo của Bloomberg Intelligence cho biết sản lượng phosphate nội địa suy giảm, kết hợp với việc Iran tạm ngừng hoạt động, khiến khoảng 40% nguồn urê giao dịch toàn cầu và gần 20% nguồn phosphate thương mại toàn cầu bị gián đoạn đã làm nguồn cung phân bón trở nên khan hiếm, đặc biệt đối với nông dân trồng đậu tương vốn phụ thuộc vào khung thời gian bón phân rất hẹp trong giai đoạn tháng 6–7. Giá các loại phân bón chủ chốt như urê và phosphate đã tăng lên gần mức kỷ lục so với giá cây trồng. Mặc dù giá urê tại Brazil đang giao dịch với mức chiết khấu đáng kể so với thị trường thế giới, lượng nhập khẩu vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu. Do Brazil phụ thuộc khoảng 90% vào phân bón nhập khẩu, đồng thời chiếm gần 15% thương mại toàn cầu về kali, phosphate và urê, nước này đặc biệt dễ bị tổn thương trước các cú sốc nguồn cung quốc tế, biến động tỷ giá và chi phí đầu vào gia tăng. Bên cạnh đó, giá lưu huỳnh tăng mạnh đang làm chi phí sản xuất phosphate trên toàn cầu leo thang, tiếp tục gây áp lực lên nông dân và làm gia tăng nguy cơ cắt giảm lượng phân bón sử dụng, suy giảm lợi nhuận và ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tấm của Mỹ hiện được báo ở mức khoảng 542 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với cả một tuần trước và một tháng trước, nhưng vẫn thấp hơn khoảng 133 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) báo cáo doanh số xuất khẩu ròng gạo niên vụ 2024/2025 đạt 53.100 tấn trong tuần kết thúc ngày 21/5, chủ yếu nhờ nhu cầu từ Mexico (31.100 tấn), Haiti (13.400 tấn), Honduras (5.500 tấn), Hàn Quốc (2.200 tấn) và Canada (500 tấn). Trong cùng tuần, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo Mỹ đã giao hàng 43.200 tấn, trong đó Haiti là thị trường nhận khối lượng lớn nhất với 22.300 tấn, tiếp theo là Hàn Quốc (6.700 tấn), Honduras (5.500 tấn), Mexico (2.300 tấn) và Canada (1.900 tấn).

Châu Âu

Một cuộc điều tra mới của tổ chức Foodwatch cho thấy nhiều loại thực phẩm tiêu dùng hàng ngày tại châu Âu đặc biệt là gạo, trà và gia vị, đang chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hoặc chưa được Liên minh châu Âu (EU) phê duyệt. Qua kiểm nghiệm 64 sản phẩm tại nhiều quốc gia, tổ chức giám sát này phát hiện 45 sản phẩm chứa thuốc trừ sâu chưa được phê duyệt, trong đó các loại gia vị như ớt bột paprika, ớt và thì là Ai Cập có mức độ ô nhiễm cao nhất; riêng một mẫu paprika thậm chí chứa tới 22 loại thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm 6 hoạt chất đã bị cấm tại EU. Có 14 sản phẩm vượt quá giới hạn dư lượng tối đa hợp pháp, đồng nghĩa với việc lẽ ra không được phép lưu hành theo quy định của EU. Foodwatch cảnh báo đây là biểu hiện của hiện tượng “boomerang độc hại”, khi các loại thuốc trừ sâu bị cấm ở châu Âu vẫn được sản xuất hoặc xuất khẩu sang các nước khác, sau đó quay trở lại thị trường EU thông qua thực phẩm nhập khẩu. Tổ chức này kêu gọi Ủy ban châu Âu cấm xuất khẩu các hóa chất như vậy và áp dụng chính sách không khoan nhượng đối với các dư lượng này, đồng thời viện dẫn dữ liệu của EFSA cho thấy tình trạng tương tự cũng xuất hiện ở các mặt hàng nhập khẩu như chuối, trà, gạo, đậu bắp và gia vị.

Thương mại gạo của Liên minh châu Âu (EU) trong niên vụ 2025/26 (giai đoạn 1/9/2025–17/5/2026) ghi nhận sự suy giảm ở cả nhập khẩu lẫn xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượng nhập khẩu giảm khoảng 8,6% xuống còn 976.853 tấn, trong đó chủ yếu là gạo xay xát và bán xay xát với 664.485 tấn. Các nhà cung cấp chính bao gồm Campuchia, Miến Điện, Ấn Độ, Thái Lan và Pakistan. Xét theo chủng loại, nhập khẩu gạo Japonica đạt 152.578 tấn, trong khi gạo Indica đạt 824.276 tấn. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu gạo của EU giảm khoảng 6,6% xuống còn 198.877 tấn, trong đó gạo xay xát và bán xay xát chiếm phần lớn với 174.993 tấn. Các thị trường xuất khẩu chính gồm Vương quốc Anh, Thụy Sĩ và Belarus. Về cơ cấu chủng loại, xuất khẩu Japonica đạt 133.774 tấn, còn Indica đạt 65.102 tấn.

Châu Phi

Theo báo cáo của Citizen Digital, Chính phủ Kenya đã triển khai một cuộc khảo sát lúa gạo trên phạm vi toàn quốc nhằm cải thiện sản xuất nội địa và giảm sự phụ thuộc lớn của nước này vào gạo nhập khẩu. Cuộc khảo sát dự kiến thu thập dữ liệu về diện tích trồng lúa, tiềm năng tưới tiêu, những khó khăn mà nông dân đang đối mặt, năng lực sản xuất và các khoảng trống sau thu hoạch. Chính phủ Kenya dự kiến sử dụng các kết quả này để củng cố công tác hoạch định chính sách, nâng cao năng suất và mở rộng sản xuất lúa trong nước. Hiện nay, Kenya vẫn phải nhập khẩu một tỷ lệ lớn nhu cầu gạo tiêu dùng, làm phát sinh chi phí nhập khẩu đáng kể. Chính phủ ước tính rằng việc gia tăng sản xuất nội địa có thể giúp giảm khoảng 56 tỷ KSh chi phí nhập khẩu gạo, đồng thời góp phần tăng cường an ninh lương thực và cải thiện thu nhập cho nông dân.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 344 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm 42 USD/tấn so với cùng kỳ.

Xuất khẩu gạo nước này ghi nhận xu hướng chậm lại trong tháng 4 và đầu tháng 5/2026 do xung đột địa chính trị, làm gián đoạn hoạt động vận chuyển gạo basmati sang các thị trường vùng Vịnh như Iran, UAE và Saudi Arabia, đẩy chi phí vận chuyển và bảo hiểm tăng cao.

Cơ quan khí tượng Ấn Độ cũng cảnh báo các đợt nắng nóng tại khu vực Tây Bắc và miền Trung nước này đang trở nên kéo dài và nghiêm trọng hơn, với nhiệt độ tại một số nơi vượt 48°C. Các chuyên gia nhận định El Niño và biến đổi khí hậu có thể tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới.

Thái Lan

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 442 USD/tấn, tăng 26 USD/tấn so với tuần trước, tăng 52 USD/tấn so với tháng trước và giảm 37 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường xuất khẩu gạo tiếp tục chịu ảnh hưởng từ căng thẳng địa chính trị, biến đổi khí hậu và chi phí sản xuất gia tăng. Giá lúa nội địa tại bắt đầu phục hồi nhẹ nhờ hoạt động mua dự trữ của các khách hàng quốc tế.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 349 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 11 USD/tấn so với tháng trước và giảm 45 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Nước này đang tăng cường phát triển các tuyến vận tải đường bộ và đường biển thay thế, cải thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc, mở rộng năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu và triển khai các nền tảng số như Phyto nhằm đơn giản hóa thủ tục xuất khẩu. Đồng thời, đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo sang châu Phi, Trung Á và khu vực Viễn Đông nhằm giảm phụ thuộc vào các thị trường truyền thống trong bối cảnh thương mại khu vực gặp nhiều biến động.

Miền Điện

Thị trường gạo trắng kết thúc tuần với xu hướng tăng giá nhờ nhu cầu mua từ Philippines. Hoạt động giao dịch sôi động hơn khi nhiều nhà nhập khẩu Philippines đẩy mạnh mua các dòng gạo trắng hạt dài, giao hàng tháng 6/2026. Thị trường xuất khẩu gạo tám vẫn trầm lắng, nhu cầu mua chủ yếu đến từ Trung Quốc. Tuy nhiên, giá gạo tám vẫn ở mức cao nhờ nhu cầu nội địa phục vụ ngành thức ăn chăn nuôi duy trì mạnh.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	19 - 05	20 - 05	21 - 05	22 - 05	25 - 05
Trung Quốc (CNY/USD)	6,80	6,81	6,80	6,80	6,79
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,86
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.690,36	17.733,76	17.699,99	17.674,20	17.722,95
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	3,98	3,98	3,97	3,96	3,95
Philippines Peso (PHP/USD)	61,60	61,70	61,51	61,63	61,34
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.495,10	1.508,53	1.499,12	1.508,95	1.512,90
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	158,83	159,11	158,85	159,19	158,90
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	96,34	96,82	96,62	96,35	95,22
Miền Điện (MMK/USD)	2.099,43	2.099,26	2.099,99	2.099,74	2.099,80
Pakistan Rupees (PKR/USD)	278,49	278,52	278,65	278,42	278,26
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,54	32,66	32,58	32,67	32,46
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.351,88	26.317,07	26.343,00	26.352,78	26.338,35

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:***** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 25/05/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Đông Xuân 2025-2026 đã xuống giống được 1,239 triệu ha đã đạt 98,78% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 1,239 triệu tấn với năng suất khoảng 74,49 tạ/ha, sản lượng ước đạt 9,229 triệu tấn lúa.

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 705 ngàn ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 56% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 16 ngàn tấn với năng suất khoảng 69,30 tạ/ha, sản lượng ước đạt 115 ngàn tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/05 – 25/05/2026 có 54 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 304.760 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	New Sun Blue	HCM	08/04/2026	12.500	Philippines
2	Osprey Bulker	HCM	17/04/2026	28.000	Châu phi
3	Adira 16	HCM	18/04/2026	2.800	Philippines
4	DTS Victory	HCM	18/04/2026	6.800	Philippines
5	Tân An 01	HCM	21/04/2026	5.000	Philippines
6	Gia Long	HCM	23/04/2026	4.100	Philippines
7	Seagull Lucky	HCM	23/04/2026	12.500	Philippines
8	VTV Dragon	HCM	23/04/2026	4.000	Philippines
9	An Thịnh Phú 08	HCM	24/04/2026	6.300	Philippines
10	Bình Nguyên Star	HCM	24/04/2026	6.000	Philippines
11	Tràng An 08	HCM	24/04/2026	15.000	Philippines
12	Hòa Bình 45	HCM	25/04/2026	4.000	Philippines
13	MD Sea	HCM	26/04/2026	12.500	Philippines
14	MD Sky	HCM	26/04/2026	12.500	Philippines
15	VSM Star	HCM	26/04/2026	6.000	Philippines
16	TD Fortune	HCM	27/04/2026	9.000	Philippines
17	Khải Anh	HCM	28/04/2026	6.500	Philippines
18	Mekong	HCM	28/04/2026	4.100	Philippines
19	Tân An Honesty	HCM	29/04/2026	4.700	Philippines
20	Crown Gold	HCM	01/05/2026	8.200	Philippines
21	Hoàng Triều 68	HCM	01/05/2026	6.500	Philippines

Bản tin 1556 (Từ Ngày 12/05/2026 Đến Ngày 18/05/2026)

22	Quang Minh 6	HCM	01/05/2026	4.800	Philippines
23	Seagull Victory	HCM	01/05/2026	10.500	Philippines
24	Star 66	HCM	01/05/2026	2.200	Malaysia
25	TTC An Bình	HCM	01/05/2026	4.000	Malaysia
26	Tân An Advance	HCM	02/05/2026	6.600	Philippines
27	Tràng An 05	HCM	02/05/2026	1.250	Philippines
28	Phúc Thuận 189	HCM	03/05/2026	4.750	Philippines
29	Royal 39	Mỹ Thới	03/05/2026	4.650	Philippines
30	Tuấn Dũng 36	HCM	03/05/2026	6.100	Philippines
31	Vinh Quang Glory	HCM	03/05/2026	3.100	Philippines
32	Green Pacific	HCM	04/05/2026	4.000	Philippines
33	Vinacomin Hà Nội	HCM	04/05/2026	7.400	Philippines
34	Vinh Quang Dynamic	HCM	04/05/2026	4.800	Philippines
35	Eurostar	HCM	05/05/2026	24.000	Châu phi
36	Star 55	HCM	05/05/2026	7.300	Philippines
37	J-Phia	Mỹ Thới	06/05/2026	2.300	Philippines
38	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	06/05/2026	4.900	Philippines
39	Sông Diễm Ocean	HCM	07/05/2026	4.900	Philippines
40	Mekong Star	Mỹ Thới	08/05/2026	3.000	Philippines
41	Phúc Thuận 89	Mỹ Thới	08/05/2026	5.000	Philippines
42	VS Sunshine	HCM	08/05/2026	4.900	Philippines
43	Nashico Eagle	HCM	09/05/2026	6.350	Philippines
44	Viễn Đông 09	HCM	09/05/2026	6.000	Philippines
45	Vinh Quang Ocean	HCM	09/05/2026	4.100	Philippines
46	Green Way	HCM	11/05/2026	5.250	Philippines
47	Hoàng Phương Vigor	HCM	12/05/2026	4.500	Philippines
48	Hương Anh 59	HCM	12/05/2026	2.600	Philippines
49	TTP 56	HCM	12/05/2026	4.700	Philippines
50	Quang Minh 18	HCM	13/05/2026	4.100	Malaysia
51	Vinh 02	HCM	14/05/2026	4.950	Philippines
52	Vinh Quang Glory	HCM	14/05/2026	3.150	Philippines
53	Adira 15	HCM	15/05/2026	5.000	Philippines
54	Hà Đông	HCM	15/05/2026	4.000	Philippines
55	Tân An Confidence	HCM	15/05/2026	6.850	Philippines
56	Tân An Freighter	HCM	15/05/2026	10.500	Philippines
57	Tây An Dynamic	HCM	15/05/2026	6.800	Philippines
58	Phúc Thuận 189	HCM	16/05/2026	4.750	Philippines
59	Tân An Endeavor	HCM	16/05/2026	4.850	Philippines
60	Đại Tây Dương 25	HCM	17/05/2026	4.950	Philippines
61	Phú An 288	HCM	17/05/2026	4.600	Philippines
62	Quang Minh 9	HCM	17/05/2026	4.900	Philippines

Bản tin 1556 (Từ Ngày 12/05/2026 Đến Ngày 18/05/2026)

63	Kiến Hưng	HCM	18/05/2026	3.400	Philippines
64	Star 16	HCM	18/05/2026	3.200	Philippines
65	Star 56	HCM	18/05/2026	3.200	Philippines
66	Thái Bình 38	HCM	18/05/2026	5.000	Philippines
67	Prince Gold	HCM	19/05/2026	8.500	Philippines
68	Sunrise 69	HCM	19/05/2026	6.800	Philippines
69	Hồng Linh 1	HCM	22/05/2026	10.500	Philippines
70	Tân An 01	HCM	22/05/2026	5.080	Philippines
71	Minh Anh 12	HCM	23/05/2026	8.200	Philippines
72	Phượng Nam 1	HCM	23/05/2026	6.000	Philippines
73	Tân An Bonanaza	HCM	23/05/2026	6.830	Philippines
Tổng				467.060	



III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	21/05	+/-	21/05	+/-	21/05	+/-	21/05	+/-	21/05	+/-	21/05	+/-	21/05	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.450	-	5.950	-100	6.400	-	6.100	+150	6.250	+300	6.750	-	6.750	+200	6.750	6.379
Lúa thường	5.950	+300	5.850	+100	5.850	-	5.850	+200	5.850	-	6.450	-	6.450	+400	6.450	6.036
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.850	-	7.350	-200	7.700	-100	7.550	-100	7.150	-			8.250	-	8.250	7.642
Lúa thường	7.650	-	7.150	+100	7.000	-	7.050	-	7.050	-			7.850	+500	7.850	7.292
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.750	-	9.200	-400	9.650	-	9.600	-50	9.600	-			10.150	+200	10.150	9.492
Lứt loại 2	8.650	-	8.900	+350	8.650	-	8.650	-	8.600	-50	9.650	+50	9.650	+600	9.650	8.964
Xát trắng loại 1			11.350	-200			11.350	-	10.550	-	11.600	-	11.550	-200	11.600	11.280
Xát trắng loại 2			10.350	+950			10.350	+50	10.300	-	10.450	+150	10.450	-300	10.450	10.380
Phụ Phẩm																
Tám 1/2	7.350	-	8.000	+300	7.950	-	7.750	+50	7.725	+75	8.000	+100	7.750	+300	8.000	7.789
Tám 2/3			7.700	+100	7.950	-			7.550	+100			7.450	+200	7.950	7.663
Tám 3/4	7.250	-	7.500	+50	7.650	+75									7.650	7.467
Cám xát	7.250	+600	7.350	+550	7.850	+100	7.450	-	7.350	-	7.850	+150	7.250	+600	7.850	7.479
Cám lau	7.250	+600	7.250	+550	7.850	+100	7.450	-	7.350	-	7.850	+150	7.350	+600	7.850	7.479
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	10.700	-	10.650	+900	10.400	-	10.400	-	10.400	-	10.700	-	10.550	+300	10.700	10.543
10%			10.550	+900					10.200	-					10.550	10.375
15%	10.500	-	10.450	+900	10.200	-	10.200	-	10.000	-	10.500	-	10.150	+200	10.500	10.286
20%									9.700	-					9.700	9.700
25%	10.300	-	9.850	+900	10.000	-	10.000	+300	9.400	-	10.300	-	9.950	+300	10.300	9.971
